

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (sau đây gọi là Nghị quyết); xác định đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc nhằm khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, dân chủ, đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (NTM), nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nông dân. Đến nay, sau hơn 12 năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được là khá toàn diện, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY

Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành kế hoạch quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể của huyện; Đảng ủy các xã, thị trấn xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và tổ chức quán triệt cho toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân học tập. Ở huyện mở hội nghị cán bộ chủ chốt của huyện; ở xã mở hội nghị tất cả đảng viên, cán bộ xã, trưởng phó các tổ chức đoàn thể, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố tham dự. Kết quả đã có 100% tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân được tuyên truyền học tập Nghị quyết.

Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động số 49-CTr/HU ngày 07/11/2008 thực hiện Nghị quyết; HĐND huyện đã ban hành các Nghị quyết về các cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM; UBND huyện đã ban hành các quyết định về các cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM.

Thông qua học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết, các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân toàn huyện đã nhận thức sâu sắc, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết cũng như về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết; ý thức được vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từ đó tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong Đảng bộ, sự đồng thuận của Nhân dân trong nhận thức và hành động để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Với sự chủ động trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết, đã giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành cụ thể hoá các chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết đề ra của huyện được thực hiện tốt.

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HOÁ CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ

Trong các nhiệm kỳ Đại hội huyện Đảng bộ từ 2010-2015 và 2015-2020, Huyện uỷ đã chỉ đạo xây dựng ban hành 8 chương trình công tác trọng tâm đồng thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo UBND huyện xây dựng các đề án, phương án, cơ chế hỗ trợ để làm cơ sở đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ngày 04/6/2013, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã có Công văn số 454-CV/HU chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể của huyện, Đảng uỷ các xã, thị trấn tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết nhằm đánh giá kết quả đã đạt được, đề ra mục tiêu, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết. Huyện uỷ đã có Báo cáo số 82-BC/HU ngày 21/6/2013 về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết trên địa bàn huyện.

Ngày 14/3/2016 Huyện uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/HU về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 16-NQ/TU).

Báo cáo số 168-BC/HU ngày 03/7/2018 của Huyện uỷ về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ngày 02/4/2019 Huyện uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 64-CTr/HU về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Văn bản của HĐND huyện

- Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 17/10/2016 của HĐND huyện Triệu Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ 2 về thực hiện một số cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế xã hội huyện giai đoạn 2017 - 2021.

- Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của HĐND huyện Triệu Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ 11 về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM năm 2019 - 2020 trên địa bàn huyện.

- Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ 13 về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2021 trên địa bàn huyện.

3. Văn bản của UBND huyện

Triển khai thực hiện, cụ thể hoá các các mục tiêu của Nghị quyết số 26 - NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ đề ra, trong giai đoạn 2008-2020, UBND huyện đã ban hành nhiều đề án, phương án, kế hoạch, cơ chế hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Các văn bản đã được xây dựng và ban hành và thực thi giai đoạn 2008-2020 gồm:

- Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt, ban hành Đề án cơ giới hóa và xây dựng mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn việc phê duyệt, ban hành Đề án "Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, giai đoạn 2012 - 2016";

- Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành Đề án củng cố, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng vùng mía nguyên liệu huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020;

- Phương án số 1278/PA-UBND ngày 07/9/2016 của UBND huyện, Phương án chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020.

- Cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM, huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2013-2016;

- Quyết định 11968/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 về việc ban hành một số cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2017-2021;

- Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện.

- Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện.

Qua hơn 12 năm thực hiện Nghị quyết, với tinh thần thực hiện nghiêm túc, tích cực, bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh, HĐND, UBND huyện cũng đã ban hành và triển khai các đề án, phương án, kế hoạch, cơ chế của huyện trên cơ sở tình hình cụ thể của địa phương và đã phát huy hiệu quả, huy động các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, được nhân dân đồng tình ủng hộ và hưởng ứng tích cực, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng NTM, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

1.1. Về tái cơ cấu nông nghiệp

Thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2008-2020 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, toàn diện về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở khai thác và tận dụng tốt lợi thế tiềm năng về đất đai, nguồn lực con người, vị trí địa lý; toàn huyện đã xây dựng và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường như lúa gạo, các loại rau, quả, hoa cây cảnh, chè, chăn nuôi trâu bò, chăn nuôi lợn, gia cầm... gắn với việc thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước, qua đó đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tăng khả năng tiếp cận thị trường, đa dạng hóa sinh kế cho dân cư nông thôn, quan tâm đến giải quyết việc làm, thu nhập cho nhóm người nghèo và cận nghèo ở nông thôn, hỗ trợ giảm nghèo cho nông dân các xã khu vực miền núi của huyện; qua đó nâng cao thu nhập, thực hiện tốt chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, góp phần ổn định, nâng cao đời sống nông dân toàn huyện.

Năm 2020 giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 1.972 tỷ đồng, tăng 54% so với năm 2008 (năm 2008 đạt 1.281 tỷ đồng). Giai đoạn 2008-2020 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân ngành nông nghiệp đạt 4,1%/năm, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu 3,5-4%/năm). Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản.

a) Trồng trọt:

Giai đoạn 2008-2020, sản xuất ngành trồng trọt toàn huyện phát triển tương đối toàn diện, hiện đại theo hướng hàng hóa quy mô lớn, năng suất cao, chất lượng và hiệu quả tốt, khả năng cạnh tranh cao. Năm 2020, giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 1.151,7 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2008 (năm 2008 đạt 794 tỷ đồng), chiếm 60,64% trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông, lâm, thủy sản. Giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác năm 2020 đạt 122,3 triệu đồng, tăng 80 triệu đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 42,3 triệu đồng).

Cơ cấu cây trồng được chuyển dịch mạnh mẽ từ cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng có hiệu quả cao hơn, gắn công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng với ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra nhiều đột phá về năng suất, chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

Với mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực, giai đoạn 2008-2020 toàn huyện duy trì diện tích đất lúa khoảng 9.500 ha (trong đó có 6.400 ha lúa thâm canh năng suất chất lượng hiệu quả cao), thực hiện đầu tư nâng cấp hạ tầng sản xuất, thay thế bộ giống lúa cũ năng suất, chất lượng thấp bằng các giống lúa lai năng suất, chất lượng cao, ứng dụng cơ giới hoá, quy trình sản xuất mới vào sản xuất. Năng suất lúa ổn định ở mức 60 tạ/ha, sản lượng lúa toàn huyện đạt mức trên 110.000 tấn/năm trở lên. Thực hiện chuyển đổi linh hoạt được 2.350 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có giá trị cao hơn và trồng lúa kết hợp nuôi trồng

thủy sản. Một số mô hình đã được chuyển đổi¹ sang cây trồng khác có quy mô tương đối lớn, xây dựng liên kết với các doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Công tác dồn điền đổi thửa đã góp phần khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, giảm số thửa trên đầu hộ sản xuất đồng thời tăng quy mô diện tích thửa ruộng², tạo tiền đề đẩy mạnh hoạt động tích tụ, tập trung đất đai, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn để sản xuất hàng hóa lớn bước đầu có kết quả tích cực³. Một số đối tượng cây trồng chủ lực, có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của huyện như cây lúa (9.500 ha), cây chè (300 ha), cây rau màu (30 ha), hoa cây cảnh (300 ha), cây thức ăn chăn nuôi (ngô dày vụ Đông khoảng 300 ha), cây dược liệu vv... đã và đang cho hiệu quả kinh tế cao, tiếp tục được đầu tư để mở rộng quy mô, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại để nâng cao hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn nữa.

b) Chăn nuôi:

Tổng đàn gia súc, gia cầm (năm 2020): Đàn Trâu 2.465 con, đàn bò 9.875 con, đàn lợn 57.608 con, đàn gia cầm 865.400 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2020 đạt 14.810 tấn, tăng 1.485 tấn so với năm 2008 (năm 2008 đạt 13.325 tấn). Chất lượng đàn gia súc, gia cầm chuyển biến tích cực, năm 2020 có 70,2% tổng đàn bò được lai hóa theo hướng ngoại, tăng 37,6% so với năm 2008 (năm 2008 đạt 32,6%); có 53,7% tổng đàn lợn được nạc hóa, 50% tổng đàn gia cầm được du nhập bằng các giống mới theo hướng siêu thịt và siêu trứng. Năm 2020, giá trị sản xuất đạt 570 tỷ đồng, tăng 202 tỷ đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 368 tỷ đồng), chiếm 28,2% trong cơ cấu giá trị sản xuất của toàn ngành nông, lâm, thủy sản.

Thực hiện Chương trình nâng cao tầm vóc đàn bò của tỉnh từ năm 2011-2015, đã phối tinh nhân tạo cải tạo tầm vóc đàn bò cho 12.034 con; theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phát triển chăn nuôi nông hộ đến nay đã có 14.394 con bê lai được sinh ra bằng phối tinh nhân tạo (tinh bò Zebu); theo cơ chế của huyện từ 2017 -2020, đã có 3.501 con bê lai ra đời từ phối tinh nhân tạo bò BBB.

Thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP), trong giai đoạn 2008-2020 toàn huyện đã hỗ trợ nâng cấp khu vực

¹ Một số mô hình chuyển đổi: Mô hình chuyển sang trồng ớt tại các xã: Khuyến Nông 20 ha, Tiến Nông 5 ha, Thọ Phú 15, Vân Sơn 15, lợi nhuận thu được cao gấp 3 đến 5 lần so với trồng lúa; chuyển sang trồng rau màu các loại 26 ha tại các xã (Tiến Nông, Khuyến Nông, Nông Trường, Dân Lý, Thọ Tân, Minh Châu), lợi nhuận thu được cao gấp 5-10 lần so với trồng lúa; chuyển sang trồng dược liệu 40 ha tại các xã (Thái Hòa, Khuyến Nông, Thị trấn Nưa), lợi nhuận thu được cao gấp 10- 15 lần so với trồng lúa; chuyển sang trồng cây cảnh 150 ha tại các xã (Hợp Lý, Thọ Tân, Hợp Tiến, Vân Sơn, Thọ Dân), lợi nhuận thu được cao gấp 10- 15 lần so với trồng lúa; chuyển sang nuôi cá kết hợp trồng lúa 500 ha tại xã (Xuân Lộc, Thọ Tiến, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Đồng Tiên), lợi nhuận thu được cao gấp 5- 7 lần so với trồng lúa.

² Đến năm 2020, bình quân 1 hộ nông nghiệp sử dụng 0,24 ha đất sản xuất nông nghiệp, tăng 13,2% so với năm 2008; tỷ lệ và số lượng hộ có quy mô đất sản xuất nông nghiệp trên 1 ha tăng lên (năm 2008 có 0,47% số hộ, năm 2017 có 0,9%)

³ Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn thuê đất (70 ha) tại xã Vân Sơn để sản xuất mía và lúa giống, thuê đất (35 ha) tại xã Đồng Tiên để sản xuất lúa giống; trang trại Út Phương thuê đất (50 ha) tại xã Thái Hòa và Khuyến Nông để trồng cây dược liệu, mô hình “cánh đồng mẫu lớn” sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Đồng Thắng...

bán hàng thực phẩm tươi sống đạt tiêu chuẩn VSATTP cho 7 chợ lớn (Nông Trường, Đà, Song, Mốc, Thiều, Góm, Nưa); hỗ trợ xây dựng 796 công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi nông hộ; thành lập 20 tổ, nhóm chăn nuôi với trên 500 hộ chăn nuôi tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; có 80% các trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc theo quy mô tập trung áp dụng công nghệ mới trong chăn nuôi, 40% các trang trại, gia trại chăn nuôi gia cầm theo quy mô tập trung áp dụng biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

Hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại được hình thành ngày càng nhiều về số lượng, đối tượng vật nuôi và quy mô; các cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển trang trại chăn nuôi của tỉnh và huyện đã được thực hiện có hiệu quả, góp phần hình thành các trang trại phát triển cả về quy mô, áp dụng khoa học kỹ thuật và liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Năm 2020 toàn huyện có 194 trang trại, gia trại (49 trang trại, 145 gia trại), các trang trại có vốn sản xuất kinh doanh bình quân đạt 3,8 tỷ đồng/trang trại, hoạt động sản xuất ổn định, doanh thu bình quân đạt 2,2 tỷ đồng/trang trại/năm; trên địa bàn huyện có 02 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn từ 3.500 - 5.000 con lợn thịt/năm (trang trại Thiện Tâm xã Đồng Thắng, trang trại Lê Bá Đức xã Thái Hòa) doanh thu bình quân trên 20 tỷ đồng/trang trại/năm; 02 trang trại chăn nuôi gà quy mô lớn trên 60.000 con/năm (xã Thọ Bình), doanh thu bình quân 8 tỷ đồng/trang trại/năm.

Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm luôn đạt tỷ lệ cao, đứng tốp đầu của tỉnh; công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chú trọng. Trong các năm 2008, 2019 - 2021 mặc dù ngành chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi dịch Tai xanh, dịch tả lợn Châu Phi trên đàn lợn, dịch Viêm da nổi cục trên đàn trâu bò nhưng bằng các biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt, hiệu quả, toàn huyện đã ngăn chặn dịch bệnh kịp thời, khôi phục sản xuất, ổn định tình hình chăn nuôi của địa phương.

c) Lâm nghiệp:

Thực hiện bảo vệ, khoanh nuôi, trồng bổ sung rừng phòng hộ 1.329,8 ha; chăm sóc, bảo vệ, khai thác 2.797,11 ha rừng sản xuất; trồng rừng sản xuất 879,3 ha; trồng cây phân tán 507.000 cây; góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 11,69% (năm 2008 đạt 11,5%). Khối lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng đạt bình quân 15.150 m³gỗ/năm; tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2020 đạt 34 tỷ đồng, tăng 14 tỷ đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 16 tỷ đồng).

Thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển lâm nghiệp đối với các xã có rừng trong giai đoạn 2008-2020 đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; hỗ trợ cấp 800 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hỗ trợ vay vốn hàng trăm tỷ đồng, chuyển giao kỹ thuật trồng rừng, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo cho hàng nghìn hộ dân khu vực miền núi của huyện.

Hiện tại toàn huyện có trên 80% diện tích đã sử dụng các loại giống keo lai mô, lai hom và keo Úc vào trồng thâm canh, nâng cao trữ lượng gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến. Đã hình thành và phát triển mạng lưới sản xuất giống cây lâm nghiệp đáp ứng đủ nhu cầu cây giống phục vụ trồng rừng của huyện và cung ứng

cho các huyện trên địa bàn tỉnh. Toàn huyện có 391 cơ sở chế biến lâm sản, đáp ứng nhu cầu chế biến, tiêu thụ lâm sản trên địa bàn.

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được quan tâm làm tốt, duy trì hệ sinh thái lâm nghiệp bền vững đối với cả diện tích rừng sản xuất và rừng phòng hộ, góp phần gìn giữ môi trường sinh thái, phòng chống biến đổi khí hậu và thiên tai.

d) Thủy sản:

Diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản hàng năm đều tăng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,5%/năm. Năm 2020 diện tích nuôi trồng đạt 860,8 ha, tăng 336,8 ha so với năm 2008 (năm 2008 đạt 524 ha); sản lượng thủy sản đạt 1.912 tấn, tăng 870 tấn so với năm 2008 (năm 2008 đạt 1.042 tấn); giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2020 đạt 67,6 tỷ đồng, tăng 32,6 tỷ đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 35 tỷ đồng); có 40% diện tích mặt nước ao, hồ nuôi trồng thủy sản theo phương thức quảng canh cải tiến, bán thâm canh, các giống mới có giá trị cao đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng như: Cá chép lai, cá trắm đen, cá trắm cỏ vv... đem lại lợi nhuận tăng gấp 2- 3 lần các loại cá thông thường. Từ năm 2016 đến nay đã có khoảng 300 ha đất lúa được chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Giá trị sản phẩm trên một ha nuôi trồng thủy sản tăng, năm 2020 đạt 152,6 triệu đồng, gấp 2,7 lần năm 2008 (năm 2008 đạt 56,8 triệu đồng).

e) Cơ giới hóa nông nghiệp:

Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong những năm qua huyện đã chỉ đạo và có nhiều cơ chế hỗ trợ cho hộ nông dân đầu tư mua sắm các loại máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp đem lại hiệu quả cao trong sản xuất⁴.

Tỷ lệ cơ giới hóa đối với các loại cây trồng đối với khâu làm đất đạt 99% diện tích; trong khâu gieo cấy lúa đạt 25% diện tích (khoảng 2.500 ha); trong khâu vận chuyển và thu hoạch nông sản các cây trồng chính đạt trên 98%.

Việc áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất đã góp phần quan trọng tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, giảm nhân công lao động trong nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động nông thôn trong giai đoạn 2008-2020 (tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giảm từ 81,84% năm 2008 xuống còn 38,2% năm 2020); đồng thời thúc đẩy hoạt động tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.

g) Liên kết, tiêu thụ sản phẩm:

⁴ Kết quả phát triển cơ giới hóa:

- Máy làm đất: Năm 2020 có 1.350 máy, trong đó có 130 máy công suất lớn, đáp ứng được 100% nhu cầu làm đất bằng máy của nông dân.

- Cơ sở mạ khay: Năm 2020 có 35 cơ sở (tăng 34 cơ sở so với năm 2008), có thể sản xuất mạ đáp ứng cho khâu cấy khoảng 3.000 ha/vụ (mỗi cơ sở bình quân sản xuất 15.000 khay mạ/vụ).

- Máy cấy lúa: Năm 2020 có 89 máy (năm 2008 chưa có); diện tích cấy máy năm 2020 là 2.500 ha/vụ, chiếm 25% diện tích lúa toàn huyện.

- Máy gặt đập liên hợp thu hoạch lúa: Năm 2020 có 82 máy (năm 2008 chưa có); cùng với các máy từ địa phương khác về liên kết thu hoạch đáp ứng 98% tổng diện tích (9.300 ha/vụ).

Các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản phát triển đa dạng với nhiều hình thức phù hợp với điều kiện sản xuất của các đối tượng cây trồng, vật nuôi. Nhiều mô hình đã thành công như mô hình “cánh đồng mẫu lớn” trong sản xuất lúa tại các xã Minh Sơn, Thọ Vực, Thọ Bình, Đồng Tiến; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa VietGAP tại xã Đồng Thắng, mô hình liên kết sản xuất ngô dày làm thức ăn chăn nuôi, liên kết sản xuất ớt, khoai tây tại các xã Thọ Phú, Khuyến Nông, Tiến Nông, Nông Trường, Vân Sơn vv... Hàng năm toàn huyện có hàng ngàn ha đất canh tác được ký kết hợp đồng liên kết sản xuất với nhiều doanh nghiệp⁵. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa các hộ nông dân với Hợp tác xã, các doanh nghiệp đã hỗ trợ cho người sản xuất yên tâm về thị trường tiêu thụ và có kế hoạch sản xuất dài hạn, giảm rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

1.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Đến năm 2020 toàn huyện có 439 doanh nghiệp, 51 hợp tác xã đang hoạt động trong khu vực nông thôn, thu hút trên 15.000 lao động (riêng 6 doanh nghiệp may mặc và giày da tại các xã: Thọ Dân, Thọ Vực, Dân Quyền, Đồng Lợi, Vân Sơn, Thị trấn Triệu Sơn đã thu hút trên 10.000 lao động). Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn trên địa bàn huyện năm 2020 đạt 7.163,4 tỷ đồng, tăng 6.313,4 tỷ đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 850 tỷ đồng), tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2008-2020 đạt 14%.

Đến 31/12/2020 toàn huyện có 2.462 cơ sở thuộc hộ cá thể sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đã tạo việc làm cho khoảng 8.000 lao động với mức thu nhập 70 triệu đồng/lao động/năm; có 4 làng nghề truyền thống (Chế tác đá Đồng Thắng, nón lá Xuân Lộc, chổi đót Thọ Sơn, mây tre đan Thọ Vực); ngoài ra còn có các ngành nghề như: Mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, sản xuất kim khí, chế biến nông sản thực phẩm vv...phát triển mạnh. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2020 đạt 1.016 tỷ đồng.

Đến tháng 12/2020 toàn huyện có 11.652 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ ở khu vực nông thôn, tăng 7.890 cơ sở so với năm 2008; các ngành dịch vụ phát triển mạnh như: Bưu chính viễn thông, vận tải, du lịch, dịch vụ ăn nghỉ vv..., tạo việc làm cho trên 17.000 lao động. Tổng giá trị sản xuất năm 2020 đạt 898,38 tỷ đồng, tăng 647,38 tỷ đồng so với năm 2008 (năm 2008 đạt 251 tỷ đồng); chiếm 14,1% trong tổng giá trị sản xuất toàn huyện (năm 2008 là 7,6%). Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2008- 2020 là 14%/năm.

2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng NTM gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

⁵ Ký kết với các doanh nghiệp tiêu biểu: Trồng ớt xuất khẩu (100- 120 ha) liên kết các Công ty TNHH Tình Cẩm (huyện Yên Định), Công ty Kiên Giang (Hải Dương); trồng ngô dày (100- 200 ha) làm thức ăn cho bò sữa liên kết với Công ty TNHH MTV Vinamilk - Trang trại Bò sữa Thanh Hóa, Công ty TH trumill Nghệ An; trồng khoai tây chế biến (40- 50 ha) liên kết với Công ty CP Quốc tế An Việt và Công ty Kiên Giang; trồng lúa giống nguyên chủng (100 ha) liên kết với Công ty Cổ phần giống cây trồng Trung ương; trồng lúa thương phẩm (100- 200 ha) liên kết với Công ty giống cây trồng Tứ Xuyên, Công ty CP TM Sao Khuê; trồng cây dược liệu (40 ha) liên kết với Công ty TNHH Tuệ Linh...

Liên kết giữa các trang trại lợn ở xã Thái Hòa với Công ty C.P Thái Lan, Công ty Thái Dương (tiêu thụ bình quân 400 tấn lợn hơi/năm); trang trại chăn nuôi gà quy mô lớn trên 60.000 con/năm (xã Thọ Bình) liên kết công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Golden STAR (tiêu thụ bình quân 60 tấn gà/năm).

Sau hơn 12 năm thực hiện Nghị quyết, diện mạo nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư; đến hết năm 2020 toàn huyện có 27/32 xã đạt chuẩn NTM, đạt 84,4%, tăng 22 xã so với năm 2015, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu có 50% số xã đạt chuẩn NTM). Dự kiến có 5 xã còn lại (Xuân Lộc, Hợp Tiến, Triệu Thành, Thọ Bình, Bình Sơn) sẽ đạt chuẩn NTM vào tháng 6 năm 2021.

- Về giao thông: Đến 2020 toàn huyện có 1.600 km đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa, trong đó giai đoạn 2008-2020 làm mới 622 km, sửa chữa 168,1 km đường giao thông với tổng kinh phí đầu tư 810 tỷ đồng. Số xã có đường đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc đổ bê tông đạt 100% (32/32 xã), tăng 25,7% so với năm 2008 (năm 2008 là 26 xã); khoảng 98% số thôn, xóm có đường đi lại thuận tiện, 100% số xã có đường trục xã, liên xã được nhựa, bê tông hóa (32/32 xã); tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn toàn huyện được thảm nhựa, bê tông hóa là 97%. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về giao thông. Đầu tư nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm, chú trọng, đến năm 2020, toàn huyện có 140 km đường giao thông nội đồng được bê tông hóa, đạt tỷ lệ 45% (năm 2008 chưa có đường giao thông nội đồng được cứng hóa).

- Thủy lợi: Các công trình thủy lợi đã được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu, phòng, chống lụt bão, góp phần nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp; từ năm 2008 đến năm 2020 đã nâng cấp 19 hồ đập, xây mới 5 trạm bơm; tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố hóa 58,5% (348,6/594,6km); tỷ lệ đê được cứng hóa 41,7% (33/79,2 km). Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về thủy lợi.

- Hệ thống điện nông thôn: Đến hết năm 2020 đã có 32/32 xã có điện lưới quốc gia; tỷ lệ thôn, xóm có điện lưới quốc gia đạt 100% (229/229 thôn); tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 99%. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về điện.

- Cơ sở trường học: Có 91/102 trường học đạt chuẩn quốc gia về giáo dục, chiếm 89,2%. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về trường học.

- Cơ sở vật chất văn hóa: Toàn huyện hiện có 32/32 Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã, đạt 100% (tăng 22 trung tâm so với năm 2008); có 229/229 thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, đạt 100%. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về cơ sở vật chất văn hóa.

- Hạ tầng thương mại: Hệ thống chợ nông thôn cơ bản được hoàn thiện, đáp ứng tốt nhu cầu buôn bán, giao thương hàng hóa khu vực nông thôn. Hiện nay toàn huyện có 17 chợ và 485 cửa hàng bán lẻ truyền thống chủ yếu của các hộ kinh doanh; 15 chợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, chiếm 88,23%; tỷ lệ chợ đạt tiêu chí Bộ Xây dựng đạt 41,2% (7/17 chợ). Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về cơ sở hạ tầng thương mại.

- Hạ tầng thông tin truyền thông: Đến nay có 32/32 xã có điểm phục vụ bưu chính; 32/32 xã có dịch vụ viễn thông và internet; 32/32 xã có đài truyền thanh và hệ

thông loa đến các thôn, xóm; 32/32 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về thông tin và truyền thông.

- Nhà ở dân cư nông thôn: Từ 2008 đến nay huyện đã hỗ trợ các hộ nghèo xóa 1.331 nhà tạm, nhà ở dột nát; thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, đến nay toàn huyện đã thực hiện sửa chữa, làm mới 3.079 nhà ở cho các hộ gia đình người có công với cách mạng (sửa chữa 1.805 nhà, làm mới 1.274 nhà) với số tiền 87.060 triệu đồng. Đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) hoàn thành tiêu chí NTM về nhà ở dân cư.

3. Về xoá đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hoá xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

- Sau hơn 12 năm thực hiện Nghị quyết, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đã tăng 4,8 lần, từ 8,6 triệu đồng/người/năm (năm 2008) lên 41,8 triệu đồng/người/năm (năm 2020), vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu đến năm 2020 tăng 2,5 lần). Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 20,4% năm 2008 (theo chuẩn nghèo 2005) xuống còn 1,1% năm 2020 (theo chuẩn nghèo 2015). Khoảng cách thu nhập bình quân nhân khẩu giữa khu vực nông thôn và thành thị trên địa bàn huyện tăng trong giai đoạn 2008-2015 nhưng được thu hẹp trong giai đoạn 2015-2020.

- Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cho dân cư nông thôn luôn được quan tâm đầu tư: Giai đoạn 2008-2020 thực hiện đầu tư làm mới, sửa chữa 22 trạm y tế xã (xây mới 9 trạm, sửa chữa nâng cấp 13 trạm); đến tháng 6/2021 có 100% số xã (32/32 xã) đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 91,5%, tăng 52,7% so với năm 2008 (năm 2008 đạt 38,8%). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 8,13‰ năm 2008 xuống còn 4,7‰ năm 2020 (giảm bình quân 0,3‰/năm); số con trung bình/bà mẹ giảm từ 2,17 con năm 2008 xuống 2,06 con năm 2020; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 10,42% năm 2008 xuống còn 8,72% năm 2020.

Công tác vệ sinh môi trường nông thôn đã có chuyển biến tích cực. Nhà máy nước Triệu Sơn đi vào hoạt động từ năm 2012 với công suất 3.600m³/ngày đêm, cung cấp nước sạch cho 3.200 hộ ở Thị trấn và 5 xã (Minh Sơn, An Nông, Dân Lực Dân Quyền, Thọ Thế), khu đô thị Sao Mai, Thiệu; Dự án nhà máy nước do Công ty CP Dịch vụ nước sạch Triệu Sơn đầu tư tại Thị trấn Nưa với công suất 9.800m³/ngày đêm để cung cấp nước sạch cho 15 xã⁶. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2020 đạt 91%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,2% (năm 2008 đạt 80,2%). Có 24 xã, chiếm 75% (năm 2008 là 42,33%) và 209 thôn, xóm, chiếm 91,2% (năm 2008 là 25,41%) có tổ chức thu gom rác thải.

⁶ Công ty CP Dịch vụ nước sạch Triệu Sơn đầu tư tại xã Thị trấn Nưa để cung cấp nước sạch cho 15 xã: Hợp Thắng, An Nông, Vân Sơn, Nông Trường, Thái Hòa, Thị trấn Nưa, Đồng Lợi, Khuyến Nông, Tiến Nông, Dân Lý, Thọ Phú, Thọ Tân, Thọ Vực, Xuân Thịnh, Xuân Lộc.

- Phát triển giáo dục ở nông thôn: Đến tháng 5/2021 có 91/102 trường (ở 32 xã) đạt chuẩn quốc gia, đạt 89,2% (tăng 76 trường so với năm 2008).

Đã hoàn thành công tác xóa mù chữ đạt mức độ 2, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 22,5%, trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 98,2%. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,82%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,9%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học lên trung học phổ thông và tương đương đạt 90%; tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông đi học nghề năm 2021 ước đạt 45%.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn: Đến hết năm 2020, toàn huyện có 47.000 hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa, chiếm 88,2% và có 229/229 thôn, xóm văn hóa, đạt 100%.

- Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đối với các xã miền núi (Chương trình 135): Chương trình đã phát huy tốt hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân và đồng bào dân tộc thiểu số ở 4 xã. Đến nay, có 4/4 xã vùng đặc biệt khó khăn của huyện có đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã đã được nhựa hóa; 4/4 xã có trụ sở làm việc kiên cố, khang trang; 100% thôn được sử dụng điện lưới quốc gia; trên 75% số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh; 4/4 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; trên 75% trường học đạt chuẩn.

Giai đoạn 2008-2020 từ nguồn vốn chương trình 135, đã hỗ trợ xây dựng 32 mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế với kinh phí 8,1 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 127 công trình giao thông và nhà văn hóa thôn, công trình điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh, công trình thủy lợi vv... với số tiền 41 tỷ đồng; tập huấn nâng cao năng lực cán bộ cộng đồng với gần 2.500 lượt cán bộ xã, thôn, bản, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt cho hàng ngàn lượt hộ nông dân miền núi; có 1.295 hộ xóa được nhà tranh tre dột nát với tổng kinh phí đầu tư gần 10 tỷ đồng. Tổ chức cho người nghèo vay vốn ưu đãi, tạo việc làm với số vốn hàng trăm tỷ đồng.

4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

Sau hơn 12 năm thực hiện, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, các hình thức tổ chức sản xuất có bước phát triển về số lượng, chất lượng hoạt động ngày một nâng cao. Đến tháng 6 năm 2021 toàn huyện có 439 doanh nghiệp (tăng 378 doanh nghiệp so với năm 2008) đang hoạt động trong khu vực nông thôn, thu hút trên 11.000 lao động. Có 26 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông lâm, thủy sản (năm 2008 không có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản), 36 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp đang hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (tăng 7 HTX so với năm 2008); có 194 trang trại, gia trại (49 trang trại, 145 gia trại).

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Doanh nghiệp, HTX, trang trại đã được đổi mới về công tác quản lý, được đầu tư lớn hơn về quy mô, đa dạng hơn về sản phẩm; các tiến bộ khoa học, thiết bị máy móc đã được đưa vào sản xuất như làm đất, thu hoạch bằng máy trong trồng trọt; các dây truyền trong chế biến gỗ; chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản là ngành nghề chiếm vị trí quan trọng, tạo được

nhiều việc làm, làm gia tăng giá trị nông sản. Các HTX nông nghiệp được chuyển đổi, thành lập mới theo Luật HTX năm 2012 nhìn chung hoạt động có hiệu quả hơn trong các khâu huy động nguồn vốn đóng góp, tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên là các hộ nông dân, tiêu biểu như HTX Dịch vụ nông nghiệp các xã Đồng Tiến, Thọ Phú, Dân Lý, Bình Sơn vv...

5. Chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn

Nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới và kỹ thuật canh tác mới được ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất nông, lâm, thủy sản góp phần làm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị hàng hóa.

Giai đoạn 2008-2020 đã thực hiện trên 50 mô hình khảo nghiệm, lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi đưa vào sản xuất ở các xã, đến nay toàn huyện có trên 85% diện tích lúa được gieo trồng bằng các giống năng suất, chất lượng cao; 87% diện tích rừng sản xuất sử dụng giống keo lai mô, lai hom và keo úc vào thâm canh đảm bảo nguyên liệu cho chế biến, Công nghiệp chế biến lâm sản trên địa bàn huyện được đầu tư theo hướng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất⁷.

Phối hợp với các cơ quan đơn vị thực hiện các dự án nông nghiệp có hiệu quả như Dự án phát triển lâm nghiệp WB3 giai đoạn 2012-2014, Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi LIFSAP giai đoạn 2014-2018, đã mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hàng nghìn hộ gia đình nông dân. Đến nay có 70,2% tổng đàn bò được lai hóa theo hướng ngoại, 53,7% tổng đàn lợn được nạc hóa, 50% tổng đàn gia cầm được du nhập bằng các giống mới theo hướng siêu thịt hoặc siêu trứng, 40% diện tích mặt nước ao, hồ nuôi trồng thủy sản theo phương thức quảng canh cải tiến, bán thâm canh. Thực hiện xây dựng trên 26 mô hình sản xuất nông nghiệp trong chăn nuôi, trồng trọt, tiểu thủ công nghiệp cho các đơn vị.

Các biện pháp canh tác tiên tiến đã được đẩy mạnh ứng dụng như công nghệ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, công nghệ tưới kết hợp bón phân tự động trong trồng cây ăn quả, công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi khép kín bằng đệm lót sinh học, bể Biogas.

Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất được quan tâm đầu tư, bằng nguồn hỗ trợ của huyện và nguồn đóng góp của người dân, đến nay toàn huyện có 35 cơ sở sản xuất mạ khay, 89 máy cấy, 92 máy gặt đập liên hợp, góp phần nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong gieo cấy lúa đạt 25%, cơ giới hóa trong làm đất và thu hoạch đạt 98%.

6. Chuyển dịch cơ cấu hộ, lao động nông thôn theo hướng tích cực

Đến hết năm 2020 toàn huyện có 20.405 hộ nông lâm thủy sản (NLTS), giảm 50,3% số hộ so với năm 2008 (năm 2008 có 41.068 hộ NLTS); số hộ phi nông nghiệp là 32.889 hộ, tăng 3,6 lần so với năm 2008 (năm 2008 số hộ phi nông nghiệp là 9.113 hộ).

Sau hơn 12 năm, cơ cấu ngành nghề của hộ nông thôn có sự chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực (giảm số lượng và tỷ trọng nhóm hộ NLTS, tăng số lượng và tỷ

⁷ Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất: Doanh nghiệp Tư nhân Nhất Duy, Công ty TNHH Triệu Thái Sơn, Công ty TNHH Việt Linh, Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tươi....

trọng nhóm hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ): Đến năm 2020 tỷ trọng hộ NLTS khu vực nông thôn chiếm 38,3% (năm 2008 là 81,8%); tỷ trọng hộ công nghiệp xây dựng chiếm 61,7% (năm 2008 là 18,2%);

Hoạt động chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề nông thôn diễn ra mạnh mẽ đã đa dạng hóa các nguồn thu cho các hộ nông nghiệp, góp phần quan trọng nâng cao thu nhập cho khu vực nông thôn trong giai đoạn 2008-2020.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 71,3%, tăng 38,8% so với năm 2008, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu có 50%); trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,6%, tăng 15% so với năm 2008. Trong giai đoạn 2008-2020 toàn huyện đã mở được trên 200 lớp dạy nghề cho 13.500 lao động nông thôn.

7. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Công tác vận dụng các chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh được huyện luôn quan tâm, chủ động rà soát các chính sách hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; đồng thời chủ động xây dựng các cơ chế của huyện để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, song song với công tác giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho khu vực nông thôn, từ đó cùng với việc vận dụng và lồng ghép tốt nguồn vốn từ các chương trình, dự án, trong giai đoạn 2008-2020, toàn huyện đã huy động được 14.567 tỷ đồng⁸ để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị-xã hội ở nông thôn

Huyện ủy đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan trong hệ thống chính trị tập trung hướng mạnh về cơ sở, trọng tâm chỉ đạo là tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng NTM. Phân công các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các cơ quan, đơn vị của huyện thường xuyên xuống cơ sở, theo dõi, giúp đỡ các xã trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; kịp thời nắm bắt giải quyết các khó khăn vướng mắc ở cơ sở. Công tác phát triển đảng viên, tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn được quan tâm, đến nay toàn huyện có 100% thôn, xóm có chi bộ độc lập. Công tác kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở được quan tâm, chú trọng, trong giai đoạn 2008-2020, số cán bộ chủ chốt các xã có bằng đại học là 205 người, tăng 158 người so với năm 2008 (năm 2008 là 47 người), góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy, quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đơn vị.

Các chi bộ thôn, xóm phát huy được vai trò lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, đặc biệt trong chương trình xây dựng NTM, vai trò của đảng viên

⁸ Trong đó: Vốn trực tiếp cho Chương trình NTM: 692 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 746 tỷ đồng; vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX và các tổ chức kinh tế khác: 341 tỷ đồng; dân đóng góp: 12.788 tỷ đồng, bao gồm: Công lao động, hiến đất, tiền mặt và các hiện vật xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; giá trị của các tiêu chí do nhân dân làm như nhà ở, chỉnh trang nhà cửa, vệ sinh môi trường, chuồng trại chăn nuôi,...).

được thể hiện rõ nét thông qua việc nhân dân hiến đất làm đường giao thông, trường học, đóng góp tiền, vật tư, ngày công lao động vv...

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với HĐND, UBND huyện, xã, làm tốt công tác tham gia xây dựng chính quyền. Từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thông qua phát động các phong trào hành động cách mạng thu hút đông đảo quần chúng, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động⁹.

Vị thế của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao, khẳng định vai trò chủ thể trong quá trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM; Hội Nông dân huyện đã đẩy mạnh công tác xây dựng và củng cố tổ chức hội; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ hội đáp ứng yêu cầu là trung tâm và nòng cốt trong phong trào nông dân¹⁰.

Tập trung tuyên truyền mạnh mẽ và vận động nông dân chủ động tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí về xây dựng NTM, trọng tâm như: Chính trang nhà ở, vệ sinh môi trường nông thôn, hiến đất làm đường giao thông, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất, xây dựng chi hội kiểu mẫu; đã có hàng nghìn nông dân tự nguyện đóng góp hàng trăm ha đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp, tài sản, công trình, cây cối vv.... trị giá nhiều tỷ đồng để góp phần xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn như nhà văn hóa, đường giao thông vv.... Tích cực tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn nông thôn; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được đông đảo hội viên nông dân hưởng ứng; hàng năm có 85% hộ gia đình nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa, nhiều hộ gia đình nông dân thực hiện tốt các chính sách xã hội, dân số, gia đình.

IV. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 49-CTr/HU NGÀY 07/11/2008 CỦA BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN

Sau hơn 12 năm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của cấp uỷ, chính quyền từ huyện đến cơ sở và sự đồng thuận tham gia hưởng ứng của nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh khu vực nông thôn của huyện đã đạt được những kết quả đáng khích lệ và cơ bản đạt được các mục tiêu Chương trình hành động số 49-CTr/HU ngày 07/11/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra. Cụ thể:

⁹ Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các cuộc vận động: "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*", "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*"; Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM*", cuộc vận động "*Ngày vì người nghèo*"...

¹⁰ Sau 12 năm, đã kết nạp 6.742 hội viên, nâng tổng số lên 32.780 hội viên, đạt 95% số hộ nông nghiệp; không còn cơ sở hội, chi hội yếu kém; 100% Chủ tịch HND, 45% Phó Chủ tịch HND các xã có trình độ đại học; 100% Chủ tịch HND, 60% Phó Chủ tịch HND các xã có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh (SXKD) giỏi do hội phát động đã có bước phát triển mạnh mẽ, bình quân hàng năm có trên 10.000 hộ đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp; nhiều hộ đã có quy mô sản xuất lớn, vốn kinh doanh hàng tỷ đồng, thu nhập bình quân 200 triệu đồng/năm. Đẩy mạnh các dịch vụ dạy nghề, tư vấn, hỗ trợ nông dân; tổng số quỹ hỗ trợ nông dân là 1.300 triệu đồng, đã hỗ trợ cho 30 hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; HND huyện đã phối hợp với ngân hàng chính sách xã hội huyện cho 3.516 thành viên vay vốn phát triển sản xuất với tổng số tiền dư nợ 89.542 triệu đồng, phối hợp với ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện cho 12.622 thành viên vay vốn phát triển sản xuất với tổng số tiền dư nợ 647.419 triệu đồng, phối hợp với Công ty CP Công Nông nghiệp Tiên Nông hàng năm cung ứng trên 1.000 tấn phân bón các loại theo hình thức trả chậm đồng thời tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp cho hội viên nông dân.

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2015-2020 đạt 4,1%/năm, không đạt mục tiêu (mục tiêu là 6%/năm).
2. Tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản trong tổng giá trị sản xuất năm 2020 là 14,2%, đạt mục tiêu (mục tiêu là dưới 20%).
3. Thu nhập bình quân đầu người của dân cư nông thôn năm 2020 gấp 4,3 lần so với năm 2010 (năm 2010 là 9,72 triệu đồng/người, năm 2020 là 41,8 triệu đồng/người), vượt mục tiêu (mục tiêu là gấp 2 lần).
4. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động nông thôn năm 2020 là 32%, không đạt mục tiêu (mục tiêu là 30%).
5. Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo năm 2020 là 71,3%, qua đào tạo nghề là 31,6%, vượt mục tiêu (mục tiêu tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo là trên 35%, qua đào tạo nghề là 30%).

V. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về phát triển nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp nhìn chung còn nhỏ lẻ, manh mún, kinh tế hộ là chủ yếu, thiếu tính bền vững; việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, chưa chuyển mạnh sang kinh tế hàng hóa quy mô lớn, thiếu sự gắn kết giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ; việc đầu tư khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chất lượng sản phẩm còn thấp, an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất còn chưa được chú trọng, chưa tạo ra các sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực, mang thương hiệu của huyện.

Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế, thiếu ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của huyện và chưa đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn; sự hợp tác, liên kết phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị còn ít, thiếu bền vững. Chất lượng dịch vụ của HTX chưa cao, sức cạnh tranh thấp, chưa nhạy bén với thị trường, chưa thực hiện tốt việc liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và thành viên, hộ gia đình.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, sản phẩm, chất lượng còn thấp, chưa đa dạng về chủng loại, sản phẩm chủ yếu mới tiêu thụ trong huyện, trong tỉnh. Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản chậm phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chưa quan tâm đến liên kết tiêu thụ sản phẩm, chưa đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp nông thôn.

Năng lực một số cán bộ trong ngành nông nghiệp, nhất là cán bộ ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết đối với phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, việc cụ thể hóa Nghị quyết ở một số nơi còn lúng túng, nhất là trong chỉ đạo thực hiện phong trào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Hệ thống kết cấu hạ tầng như thủy lợi, cơ sở sản xuất, dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản vv... chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, chưa hình thành được những vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

1. 2. Về xây dựng nông thôn mới

Việc triển khai thực hiện các nội dung trọng tâm về xây dựng NTM ở nhiều xã còn hạn chế; chưa có kế hoạch đảm bảo nguồn lực, chưa có nhiều giải pháp tích cực, sáng tạo, quyết liệt trong tổ chức thực hiện; việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn NTM còn hạn chế.

Việc phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân ở nhiều xã chưa được quan tâm đúng mức, kết quả chưa cao. Chưa có nhiều mô hình sản xuất hiệu quả, liên kết phát triển sản xuất hàng hóa còn hạn chế; nhiều xã chưa có sản phẩm OCOP.

Thiên tai, biến đổi khí hậu tác động lớn đến phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

Đội ngũ tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo chương trình từ huyện đến xã còn thiếu và yếu, hiệu quả công tác tham mưu còn hạn chế.

1.3. Nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn

Thu nhập của nông dân còn thấp, các hộ nghèo và cận nghèo đều là nông dân. Công tác xoá đói, giảm nghèo có sự chuyển biến song chưa bền vững, đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở khu vực nông thôn, các xã miền núi còn nhiều khó khăn, khoảng cách thu nhập giữa khu vực nông thôn và thành thị trên địa bàn còn lớn. Tính trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước của một bộ phận nông dân còn cao.

Nông thôn còn tiềm ẩn một số yếu tố phức tạp. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn chưa thực sự hấp dẫn. Chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Vệ sinh môi trường nông thôn chưa tốt, tình trạng rác thải chưa được thu gom, xử lý triệt để vv...ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống cư dân và môi trường nông thôn.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2. 1. Về khách quan

Nhận thức của nhân dân về sản xuất hàng hóa còn hạn chế, thiếu vốn; một số cơ chế, chính sách chưa thực sự phù hợp với điều kiện của huyện.

Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn cho sản xuất, về người và tài sản nhân dân. Hệ thống kết cấu hạ tầng đã được đầu tư, cải tạo song chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Một bộ phận lực lượng lao động trẻ, có sức khỏe, trình độ ở khu vực nông thôn đi làm ăn xa ở các tỉnh, dẫn đến thiếu hụt lực lượng lao động tại nông thôn.

2. 1. Về chủ quan

- Về nhận thức:

Công tác triển khai học tập Nghị quyết ở một số địa phương, ban, ngành còn mang tính hình thức và chưa thường xuyên; nội dung tuyên truyền chưa sát với tình hình thực tế do đó hiệu quả việc tuyên truyền đến người dân còn chưa cao.

Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, nhất là ở cơ sở. Một bộ phận lớn nguồn nhân lực chưa đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhận thức pháp luật trong một bộ phận dân cư còn hạn chế.

- Về cơ chế, chính sách: Chưa sát với nhu cầu thực tế, việc lồng ghép, phân bổ nguồn lực còn khó khăn; một số văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh ban hành chậm, thiếu đồng bộ, gây lúng túng trong thực hiện chương trình do đó khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Về tổ chức thực hiện chủ trương, Nghị quyết: Việc cụ thể hóa Nghị quyết ở một số cơ sở còn lúng túng, nhất là trong lãnh đạo, quản lý các hoạt động kinh tế, xã hội.

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Xác định đúng những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, những tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Xây dựng và ban hành được các Nghị quyết, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2. Chăm lo công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh. Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã không ngừng đổi mới phương pháp công tác và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của đơn vị, địa phương

3. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp. Huy động được các thành phần kinh tế, các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Chú trọng đào tạo phát triển lực lượng sản xuất khu vực nông thôn, phát huy vai trò kinh tế tư nhân đồng thời kiện toàn, nâng cao chất lượng hệ thống HTX sản xuất nông nghiệp.

4. Thực hiện tốt việc phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào dân tộc; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng-an ninh khu vực nông thôn, giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai.

5. Tranh thủ sự được sự quan tâm, ủng hộ, giúp đỡ của tỉnh, các sở, ban, ngành của tỉnh, các tổ chức kinh tế, xã hội. Có cơ chế, chính sách thông thoáng thu hút đầu tư.

6. Bám sát vào quan điểm, mục tiêu của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị từ huyện đến xã căn cứ vào tình hình thực tiễn, nhiệm vụ của đơn vị có kế hoạch thực hiện phù hợp, hiệu quả. Thường xuyên phát động các phong trào thi đua yêu nước và phát huy có hiệu quả công tác thi đua-khen thưởng, tạo ra động lực mạnh mẽ huy động cán bộ, nhân dân

tích cực lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng công tác.

7. Đẩy mạnh các hoạt động thể chế hoá các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh; chủ động ban hành các chương trình, đề án, phương án, cơ chế hỗ trợ của huyện, xã trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đã được các cấp uỷ đảng từ huyện đến cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc, tích cực. Từ đó nâng cao nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và nhân dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và nông thôn và cụ thể hoá bằng nhiều nghị quyết, chính sách để huy động các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, được nhân dân toàn huyện đồng tình ủng hộ và hưởng ứng tích cực.

Sau hơn 12 năm thực hiện Nghị quyết, tình hình kinh tế-xã hội nông thôn, và đời sống dân cư khu vực nông thôn đã có nhiều thay đổi rõ nét. Cơ cấu ngành nông nghiệp đạt được nhiều kết quả quan trọng, quy mô sản xuất được mở rộng, trình độ của lực lượng sản xuất được nâng cao, kinh tế nông nghiệp tăng trưởng bền vững; an ninh lương thực được giữ vững, cùng với đó là quá trình chuyên môn hoá, đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao. Hạ tầng nông thôn, hạ tầng phục vụ sản xuất được đầu tư xây dựng, hoàn thiện và phục vụ tốt nhu cầu sinh sống, phát triển kinh tế của cư dân nông thôn; công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn đã có những thay đổi lớn, mang lại giá trị sản xuất cao với sự tham gia của của nhiều thành phần kinh tế góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM được triển khai quyết liệt, đồng bộ, với sự hưởng ứng tham gia tích cực, nhiệt tình của nhân dân, đạt được kết quả vượt bậc trong thay đổi diện mạo nông thôn và đời sống nhân dân. Kết cấu hạ tầng về thủy lợi, điện, đường, trường, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa ở nông thôn được nâng cấp hoặc xây dựng mới khá đồng bộ. Môi trường sinh sống của người dân được cải thiện xanh hơn, sạch hơn, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao, an ninh, trật tự, an toàn ở nông thôn được giữ vững, số hộ nghèo giảm sâu, thu nhập của người dân tăng nhanh.

Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được đổi mới. Hình thành nhiều trang trại, HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả, nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết doanh nghiệp - HTX- hộ nông dân đã hình thành và được nhân rộng.

Năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền ở nông thôn đã được củng cố, nâng cao rõ rệt; trình độ cán bộ chủ chốt được nâng lên đáng kể. Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội, Hội Nông dân Việt Nam được nâng cao.

Phần thứ ba
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN,
NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN

Triệu Sơn là huyện có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Nằm ở vị trí thuận lợi, giữa các vùng kinh tế động lực của tỉnh và ngay sát Cảng hàng không Thọ Xuân; trên địa bàn huyện có tuyến quốc lộ 47, 47C, tuyến Nghi Sơn - Sao Vàng và tới đây sẽ có tuyến đường bộ cao tốc Bắc-Nam và nhiều tuyến tỉnh lộ chạy qua. Bên cạnh đó Triệu Sơn là huyện đồng bằng bán sơn địa, địa hình khá bằng phẳng; nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản phong phú, nhân lực dồi dào. Là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá, cách mạng với nhiều di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đẹp. Nhân dân trong huyện có truyền thống đoàn kết, cần cù, năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, có khát vọng vươn lên làm giàu cho quê hương, đất nước.

Dự báo trong giai đoạn tới cùng với việc xây dựng NTM và phát triển đô thị hoá nông thôn, lao động nông nghiệp có chiều hướng giảm dần từ sản xuất nông nghiệp thuần túy chuyển dịch sang phát triển ngành nghề và dịch vụ; sản xuất nông nghiệp chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và sản xuất hữu cơ gắn với liên kết; các tổ chức kinh tế hợp tác sẽ từng bước được hoàn thiện để đáp ứng nhiệm vụ và xu thế phát triển. Để phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong thời gian tới cần tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cùng với xây dựng nông thôn theo mô hình NTM kiểu mẫu; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, dịch vụ; kiện toàn các HTX nông nghiệp tổ chức sản xuất và dịch vụ có hiệu quả (liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị); có cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; quan tâm đào tạo nghề cho người dân nông thôn vv...

II. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Kết luận 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã cần cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM, tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

2. Trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, nông nghiệp, nông dân, nông thôn tiếp tục có vị trí chiến lược và là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của huyện. Tiếp tục phát huy tiềm năng và lợi thế

để phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện tái cơ cấu, phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, thông minh, nông nghiệp số thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong việc tham gia phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tổ chức sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; xây dựng và gìn giữ đời sống văn hóa-xã hội, môi trường nông thôn; đảm bảo an ninh trật tự xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xây dựng nông thôn; thu hút các tổ chức kinh tế tham gia vào phát triển kinh tế- xã hội khu vực nông thôn.

3. Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM theo hướng gắn với quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

4. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân cùng với phát huy nội lực của các địa phương, sự hỗ trợ của nhà nước, doanh nghiệp để tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đời sống nông dân, nông thôn, xây dựng xã hội nông thôn ổn định, dân chủ, văn minh, sạch đẹp.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Về nông nghiệp: Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh tái cơ cấu nhằm nâng cao giá trị và giá trị gia tăng trên một đơn vị sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm. Nâng cao chất lượng đạo tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn.

- Về nông dân: Thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội; chăm sóc sức khoẻ nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục, văn hoá xã hội nhằm từng bước nâng cao đời sống, vật chất tinh thần cư dân nông thôn.

- Về nông thôn: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn. Đổi mới cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị ở nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

- Về nông nghiệp:

(1) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 3,8%; giai đoạn 2026-2030 là 4,5%; giai đoạn 2031-2045 là 5%.

(2) Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt 150 triệu đồng; đến năm 2030 đạt 200 triệu đồng; đến năm 2045 đạt 300 triệu đồng.

(3) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 1.200 ha; đến năm 2030 đạt 2.000 ha; đến năm 2045 đạt 3.000 ha.

(4) Tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt 122.000 tấn; giai đoạn 2026-2030 đạt 110.000 tấn; giai đoạn 2031-2045 đạt 100.000 tấn.

(5) Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2025 đạt 810 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt 1.200 tỷ đồng, đến năm 2045 đạt 2.000 tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ổn định 11,8%, đến năm 2030 đạt 12%, đến năm 2045 đạt 12,5%.

- Về nông dân:

(7) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2030 từ 2% trở lên, đến năm 2045 không còn hộ nghèo.

(8) Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 đạt 73,8 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 100 triệu đồng, đến năm 2045 đạt 200 triệu đồng.

(9) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100% (trong đó được dùng nước sạch đạt 75% trở lên); đến năm 2030 đạt 100% (trong đó được dùng nước sạch đạt 100%).

- Về nông thôn:

(10) Đến hết năm 2021 có 32/32 xã (100% số xã) đạt chuẩn NTM; đến năm 2022 huyện đạt chuẩn NTM.

(11) Đến năm 2025 có 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 2 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; đến năm 2030 có 32/32 xã (100% số xã) đạt chuẩn NTM nâng cao, có 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; đến năm 2045 có 32/32 xã (100% số xã) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng nhận thức mới về vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, trọng tâm là quan trọng các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong các văn kiện Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết số 58-NQ/TW “Về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Kết luận 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Tập trung làm rõ ý nghĩa, vai trò của nội dung tái cơ cấu nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi, tích tụ ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn,

ứng dụng công nghệ cao, tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phổ biến các cơ chế chính sách khuyến khích, huy động được các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt chú trọng đối tượng là nông dân. Đẩy mạnh việc phát động phong trào thi đua, kịp thời khen thưởng, động viên các điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả; đồng thời nhân rộng các mô hình, điển hình sáng tạo trong việc phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM.

2. Đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại

Tổ chức sơ kết công tác thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để rút ra các bài học; đồng thời bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên canh, gắn với công nghệ chế biến, bảo quản nông sản và thị trường tiêu thụ trên cơ sở lợi thế, tiềm năng của từng đơn vị, từng vùng. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, tập trung vào những đối tượng cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, xây dựng thương hiệu cho nông sản chủ lực của huyện.

Phát triển trồng trọt, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh như lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ, rau màu các loại, chè, cây dược liệu... thực hiện tốt mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực đồng thời đa dạng hóa cây trồng có giá trị, hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện quy hoạch, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, có quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, phương thức công nghiệp hiện đại, áp dụng quy trình tiên tiến vào chăn nuôi để tăng năng suất, chất lượng, giảm nguy cơ dịch bệnh; từng bước kiểm soát, giảm chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ không đảm bảo an toàn dịch bệnh, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, đưa các giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao vào thực hiện trồng rừng gỗ lớn. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng hiệu quả.

Nghiên cứu phát triển nuôi trồng thủy sản trên cơ sở chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đồng thời sử dụng mặt nước hồ đập tự nhiên để nuôi cá lồng bè theo công nghệ thâm canh, sử dụng các giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất.

Hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao của huyện, xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sinh thái trải nghiệm mang tính bền vững, thân thiện với môi trường, đạt hiệu quả cao về kinh tế và xã hội.

3. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Đẩy mạnh công tác xây dựng các khu công nghiệp tập trung, quy mô lớn để thu hút, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông thôn, giảm tỷ lệ lao động trực tiếp trong nông nghiệp, làm cơ sở đẩy nhanh hoạt động tích tụ, tập trung đất đai trong sản xuất nông nghiệp.

Tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng chương trình mỗi xã một sản phẩm trên cơ sở phát triển các ngành nghề và dịch vụ đã có, đồng thời xây dựng các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện và phát huy lợi thế của các đơn vị, trên cơ sở các ý tưởng kinh doanh mới.

Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch tại những vùng sản xuất hàng hoá, sản xuất cánh đồng lớn. Ưu tiên đầu tư hỗ trợ cho các HTX, Tổ hợp tác chế biến, sơ chế, bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm sau thu hoạch.

Phát triển mạnh mẽ và đa dạng các loại hình dịch vụ khu vực nông thôn, chú trọng đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tư vấn chuyển giao khoa học công nghệ, thương mại nông nghiệp, vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng cho khu vực nông thôn.

4. Đẩy mạnh xây dựng NTM gắn với đô thị hoá, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại

Tập trung hoàn thành công tác xây dựng huyện NTM vào năm 2022, thực hiện xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế chính sách tập trung phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn (giao thông, thuỷ lợi, nước sinh hoạt, môi trường, công trình văn hoá xã, thôn), tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao nhanh hơn đời sống của cư dân nông thôn.

Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, thể thao nông thôn, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng về bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn.

Chú trọng vận động và hỗ trợ người dân tham gia xây dựng NTM đi vào chiều sâu đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn tới từng hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn.

5. Đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở các xã miền núi

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo.

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với Chương trình xây dựng NTM; thực hiện có

hiệu quả 4 chương trình trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025, góp phần giảm nghèo bền vững.

Thực hiện công tác dạy nghề phát triển nguồn nhân lực cho khu vực nông thôn. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhằm tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, thu hút lao động nông nghiệp, nông thôn vào làm việc.

6. Đổi mới cơ chế khuyến khích hỗ trợ và tổ chức sản xuất thúc đẩy phát triển nông thôn

Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê, góp đất nông nghiệp, vận động người dân tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn.

Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai để thúc đẩy cơ giới hoá, sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới cơ chế, thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

7. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020;

Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đồng thời tiếp tục thực hiện tốt chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổ chức thành lập mới, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động các HTX, Tổ hợp tác, trang trại và gia trại tại các vùng sản xuất sản phẩm chủ lực của huyện gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị.

8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn

Tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao bằng việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng phổ cập giáo dục; đẩy mạnh hướng nghiệp cho học sinh.

Mở rộng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực của huyện, thực hiện mục tiêu 100% thanh niên trong độ tuổi được đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

Tiếp tục đào tạo gắn với quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các ngành/ngành mũi nhọn của huyện trong các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín có đơn hàng tốt về tuyển chọn lao động trên địa bàn huyện đưa đi làm việc ở nước ngoài.

9. Ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ

Thu hút và tiếp nhận các dự án có hàm lượng khoa học công nghệ cao ứng dụng trong quản lý, sản xuất, chế biến và dự báo thị trường.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, đồng bộ về công nghệ và quy trình tổ chức sản xuất. Tăng cường công tác quản lý các quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm theo qui định để sản xuất bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và dịch bệnh.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội

Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và dịch vụ công; đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng tăng xã hội hoá, gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị- xã hội và sự tham gia của nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đổi mới phương pháp tiếp cận nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức, đồng thời huy động sự tham gia của người dân trong chương trình xây dựng NTM.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc tích tụ, tập trung ruộng đất thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ hơn trong nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ các địa phương để có nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; ban hành các cơ chế, chính sách đồng bộ đầu tư vào nông thôn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, chính quyền, các ban, phòng, ngành liên quan tiếp tục tham mưu cho Huyện ủy để lãnh đạo toàn diện việc thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xây dựng chương trình hành động giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để làm cơ sở cho các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc tại cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn tại cơ sở.

2. HĐND, UBND huyện căn cứ tình hình thực tế, trên cơ sở các cơ chế, chính sách của trung ương và của tỉnh đã ban hành, chỉ đạo rà soát bổ sung, điều chỉnh cơ chế hỗ trợ của huyện theo hướng đầu tư đồng bộ vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với tình hình mới. Chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM theo mục tiêu đề ra.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cấp huyện tiếp tục chỉ đạo các tổ chức hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Gắn các hoạt động của tổ chức hội với các phong trào thi đua xây dựng NTM. Kịp thời đề xuất những cách làm hay, mô hình điểm để kịp thời biểu dương và nhân rộng.

4. Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn tiếp lãnh đạo các nhiệm vụ chính trị của địa phương; đồng thời phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị của huyện để tổ chức tốt các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn. Đảng bộ, chi bộ trực thuộc căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị chỉ đạo tổ chức triển khai các mục tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT (báo cáo);
- TT HU, TT HĐND (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Lê Phú Quốc